

Số: 07/2023/QĐST-DS

Hoàn Kiếm, ngày 22 tháng 6 năm 2023

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào khoản 7 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBNVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của UBTVQH về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận hòa giải thành của các đương sự ngày 14 tháng 6 năm 2023 về việc các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số 41/2023/TB-TLST ngày 07/4/2023 về “Tranh chấp hợp đồng tín dụng”.

XÉT THẤY:

Các thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hoà giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thỏa thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó và đề nghị Tòa án ra Quyết định công nhận sự thỏa thuận của các đương sự theo quy định của pháp luật.

QUYẾT ĐỊNH:

I. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Ngân hàng TMCP V. Trụ sở: Số 89 L, phường L, quận D, Hà Nội. Người đại diện theo pháp luật: Ông Ngô C.D – Chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị V.

Đại diện theo ủy quyền tham gia tố tụng: Ông Nguyễn T.D, Bà Quách T.H, Ông Vũ D.K. Theo văn bản ủy quyền số 9698/2023/UQ-LCC-KHCNMB ngày 05/4/2023.

- **Bị đơn:** Ông Lê G.L. Sinh năm: 1959. CMND số: 010286415. Nơi cư trú: Số 13 G, phường B, quận K, thành phố Hà Nội.

II. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

1. Các bên đương sự xác nhận đã ký kết:

- Giấy đề nghị phát hành thẻ kiêm hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng quốc tế số 379-P-2889650 ký ngày 24/3/2020.

- Hợp đồng cho vay số LN2003252293124 ngày 06/04/2020;

- Hợp đồng cho vay số LN2102043380087 ký ngày 06/02/2021;

- Hợp đồng thế chấp số CE 699740, Sổ vào sổ cấp GCN: CS 32856 ký ngày 04/04/2020 và Phụ Lục Hợp đồng số 01/PLHD số công chứng 723/2021 ký ngày 06/02/2021 tại Văn phòng công chứng Nguyễn Khôi;

2. Các bên đương sự xác nhận:

Tổng số tiền Ngân hàng TMCP V đã giải ngân cho ông Lê G.L là 1.868.240.000 đồng và ông Lê G.L đã được nhận toàn bộ số tiền này sau khi ký kết từng hợp đồng tín dụng.

Cụ thể:

- Số tiền 50.000.000 đồng theo Giấy đề nghị phát hành thẻ kiêm hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng quốc tế số 379-P-2889650 ký ngày 24/3/2020.

– Số tiền 1.000.000.000 đồng theo Hợp đồng cho vay số LN2003252293124 ngày 06/04/2020;

- Số tiền 818.240.000 đồng theo Hợp đồng cho vay số LN2102043380087 ký ngày 06/02/2021;

3. Các bên đương sự xác nhận, tính đến ngày 14/6/2023, bị đơn đã trả cho Ngân hàng TMCP V theo *các hợp đồng tín dụng tại mục 1* với tổng số tiền 568.948.631 đồng, cụ thể:

STT	Số HĐTD	Ngày vay	Gốc đã trả	Lãi đã trả	Tổng đã trả
1	LN2003252293124	06/4/2020	180.813.427	241.335.175	422.148.602
2	LN2102043380087	06/02/2021	47.733.000	59.137.876	106.870.876
3	Giấy đề nghị thẻ tín dụng	24/3/2020	12.217.115	27.712.038	39.929.153
			240.763.542	328.185.089	568.948.631

4. Hai bên xác nhận, tính đến ngày 14/6/2023, bị đơn còn nợ Ngân hàng TMCP V theo *các hợp đồng tín dụng tại mục 1* với số tiền là:

- Nợ gốc: 1.627.476.458 đồng
- Nợ lãi trong hạn 53.119.518 đồng
- Nợ lãi quá hạn 321.350.821 đồng
- Phạt chậm trả: 25.289.737 đồng
- **Tổng cộng: 2.027.236.534 đồng**

5. Các đương sự xác nhận phương án hòa giải cụ thể như sau:

5.1. Kể từ ngày 14/6/2023, ông Lê G.L thực hiện việc thanh toán số tiền nợ gốc, nợ lãi với tổng số tiền **2.027.236.534 đồng (Hai tỷ, không trăm hai mươi bảy triệu, hai trăm ba mươi sáu nghìn, năm trăm ba mươi bốn đồng)** theo tiến trình:

- Ngày 25/7/2023: ông L trả 5.000.000 đồng nợ gốc
- Ngày 25/8/2023: ông L trả 5.000.000 đồng nợ gốc
- Ngày 25/9/2023: ông L trả 5.000.000 đồng nợ gốc
- Ngày 25/10/2023: ông L trả toàn bộ nợ gốc, nợ lãi.

5.2. Trường hợp bị đơn ông Lê G.L không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ trả nợ theo tiến trình tại khoản 5.1 thì V có quyền yêu cầu ông Lê G.L

thực hiện nghĩa vụ tính đến ngày tất toán khoản vay bao gồm việc trả nợ toàn bộ nợ gốc, nợ lãi trong hạn, nợ lãi quá hạn, phạt chậm trả lãi theo thỏa thuận đã ký kết tại từng hợp đồng tín dụng, giấy đề nghị phát hành thẻ kiêm hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng quốc tế số 379-P-2889650 ký ngày 24/3/2020.

5.3. Trường hợp bị đơn ông Lê G.L không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ trả nợ, V có quyền tự bán tài sản đảm bảo hoặc yêu cầu cơ quan Thi hành án xác minh, cưỡng chế, kê biên, phát mại các tài sản bảo đảm để thu hồi nợ cho V là: Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số: -/-; tờ bản đồ số: -/-; tại địa chỉ: Số 13 G, phường B, quận K, thành phố Hà Nội theo “Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất” số CE 699740, Số vào sổ cấp GCN: CS 32856 do Sở Tài nguyên và Môi trường thành phố Hà Nội cấp ngày 10/11/2016. Chi tiết Theo Hợp đồng thế chấp số: 1359/2020; Quyền số 02-2020TP/CC-SCC/HĐGD ký ngày 04/04/2020 và Phụ Lục Hợp đồng số 01/PLHĐ số công chứng 723/2021 ký ngày 06/02/2021 tại Văn phòng công chứng Nguyễn Khôi giữa V và ông Lê G.L.

V được quyền yêu cầu cơ quan Thi hành án áp dụng các biện pháp cần thiết để kê biên, xử lý các tài sản thuộc quyền sở hữu của ông Lê G.L để bảo đảm thực hiện nghĩa vụ theo Bản án/Quyết định của Tòa án cho đến khi ông Lê G.L hết nghĩa vụ với V.

III. Về án phí: Ghi nhận sự tự nguyện chịu cả toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm hòa giải thành của ông Lê G.L là 72.544.731 đồng (Bảy mươi hai triệu, năm trăm bốn mươi bốn nghìn, bảy trăm ba mươi một đồng).

Ngân hàng TMCP V được nhận lại tiền tạm ứng án phí đã nộp là 33.210.000 đồng (Ba mươi ba triệu, hai trăm mười nghìn đồng) tại Chi Cục Thi hành án dân sự quận Hoàn Kiếm, biên lai số AA/2020/0052231 ngày 07/4/2023.

IV. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND quận Hoàn Kiếm;
- Chi cục Thi hành án DSQHK;
- Lưu HS.

THẨM PHÁN

NGUYỄN THU HÀ